

THỰC TRẠNG KHẢ NĂNG GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG

• Nguyễn Thị Nga^(*)

Tóm tắt

Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng khả năng giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng trên những phương diện về kỹ năng và nội dung giao tiếp, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp tác động ngày càng hoàn thiện khả năng giao tiếp của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược với tư cách là phương tiện cơ bản trong hoạt động của thầy thuốc tương lai.

Từ khóa: Khả năng giao tiếp, sinh viên, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

1. Đặt vấn đề

Giao tiếp là “khả năng cụ thể của mỗi con người vận dụng những kiến thức thu được vào quá trình tiếp xúc giữa người với người, là điều kiện quan trọng bậc nhất của sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân” [5]. Nhà tâm lý học nổi tiếng A.V. Zápôrôjet từng khẳng định “Giao tiếp là nguồn quan trọng nhất của sự phát triển tâm lý con người trong quá trình phát sinh cá thể của nó” [6]. Trong giao tiếp hằng ngày, con người phải ứng phó với biết bao tình huống muôn màu, muôn vẻ, muôn sắc, muôn diện... có khi dễ dàng xử lý, có lúc rơi vào bế tắc, khó xử. Giao tiếp, ứng xử khôn khéo, tế nhị, kịp thời, có hiệu quả “là cả một nghệ thuật mà không phải ai cũng nắm được, bất kì ai cũng phải học điều đó” (I. Cvapilic). Nắm được nghệ thuật này là sở hữu một trong những bí quyết thành công trong cuộc sống, trong quan hệ giữa con người với con người nói chung và đặc biệt là trong sự hình thành năng lực nghề nghiệp của cá nhân.

Xuất phát từ những vấn đề trên đây, chúng tôi tập trung tìm hiểu “Thực trạng khả năng giao tiếp của sinh viên (SV) Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng” trên cơ sở đó đề xuất biện pháp tác động nhằm nâng cao khả năng giao tiếp của SV Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

2. Khách thể điều tra và khách thể nghiên cứu

Khách thể điều tra: Khảo sát 220 SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Khách thể nghiên cứu: Hoạt động giao tiếp của

SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Phương pháp phân tích, tổng hợp, phân loại, so sánh... nhằm xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề giao tiếp của SV.

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Trắc nghiệm tâm lý (test), điều tra bằng phiếu hỏi (anket), quan sát, phỏng vấn, thực nghiệm, nhằm khảo sát thu thập thông tin về khả năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Nhóm phương pháp thống kê toán học: Phương pháp tính tỉ lệ phần trăm, trung bình cộng, hệ số tương quan, kiểm định giả thiết... nhằm bảo đảm độ tin cậy của các đánh giá trong nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu 220 SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, có kết quả về thực trạng khả năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng như sau:

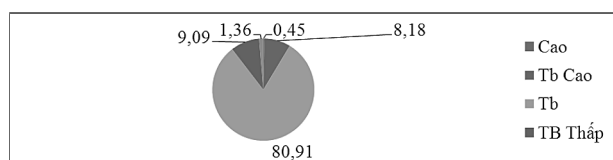
4.1. Kỹ năng giao tiếp

Sau khi tiến hành trắc nghiệm trên nghiệm thể, kết quả nghiên tính được tính ra điểm số, dựa vào số điểm đạt được của từng SV, chúng tôi xếp họ vào 5 mức độ khác nhau theo thứ tự: cao, trung bình cao, trung bình, trung bình thấp, thấp. Mức độ các nhóm kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng thể hiện ở bảng 1.

^(*) Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Bảng 1. Mức độ các nhóm kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng

TT	Mức độ	Các nhóm kỹ năng giao tiếp								Chung		Trung bình
		Nhóm A		Nhóm B		Nhóm C		Nhóm D		Số lượng	%	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%			
1	Cao	3	1,36	2	0,91	1	0,44	1	0,44	1	0,45	4
2	Trung bình cao	31	14,09	43	19,55	35	15,28	11	4,80	18	8,18	3
3	Trung bình	151	68,64	140	63,64	160	69,87	60	26,20	178	80,91	1
4	Trung bình thấp	33	15,0	32	14,55	7	3,06	75	32,75	20	9,09	2
5	Thấp	2	0,91	3	1,36	0	0,00	21	9,17	3	1,36	5

**Biểu đồ 1. Mức độ kỹ năng giao tiếp của SV (tính theo tỷ lệ %)**

Qua bảng trên ta thấy phần lớn SV có kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình và trung bình thấp, xét chung có tới 80,91% SV có kỹ năng giao tiếp ở

mức trung bình, 9,09% ở mức trung bình thấp, 8,18% ở mức trung bình cao. Tỷ lệ SV đạt mức độ cao rất ít, chỉ chiếm 0,45% trong tổng số SV. Tỷ lệ SV có kỹ năng giao tiếp thấp cũng chiếm tỷ lệ nhỏ 1,36%.

So sánh kết quả thu được qua trắc nghiệm V.P. Dakharov với kết quả trả lời phiếu câu hỏi cho thấy nếu xét trên bình diện tương quan thứ bậc thì có sự phù hợp, thể hiện cụ thể ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả tự đánh giá kỹ năng giao tiếp của SV qua mẫu Anket và đo bằng trắc nghiệm V.P. Dakharov

Mức độ	KQ trắc nghiệm V.P. Dakharov			Kết quả khảo sát bằng anket			D	D2
	Số lượng	%	Trung bình	Số lượng	%	Trung bình		
Cao	1	0,45	4	4	1,8	4	0	0
Trung bình cao	18	8,18	3	85	38,6	2	1	1
Trung bình	178	80,91	1	106	48,2	1	0	0
Trung bình thấp	20	9,09	2	23	10,5	3	1	1
Thấp	3	1,36	5	2	0,9	5	0	0

Hệ số tương quan thứ bậc Spearman tìm được $r = 0,9$ có thể cho ta nhận xét rằng: kết quả đo mức độ kỹ năng giao tiếp bằng trắc nghiệm Dakharov và kết quả tự đánh giá của SV có tương quan mật thiết, hay nói cách khác là cả 2 phương pháp nghiên cứu khác nhau đều mang lại kết quả nghiên cứu thống nhất với nhau khi sử dụng để đo mức độ kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng. Tuy nhiên bảng 2 cũng cho thấy có sự khác biệt về tỉ lệ % trong từng mức độ, thể hiện rõ nhất ở mức độ trung bình cao. Nhiều SV có xu hướng tự đánh giá mình cao hơn so với kết quả đo bằng trắc nghiệm. Điều này cần hết sức lưu ý trong công tác rèn luyện kỹ năng giao

tiếp cho SV. Để cụ thể hơn, ta có thể đi sâu xem xét điểm trung bình từng kỹ năng trong hệ thống các kỹ năng giao tiếp bằng trắc nghiệm giao tiếp V.P. Dakharov đã đo được.

So sánh kỹ năng giao tiếp của SV các khoa

Trong khảo sát thực trạng, chúng tôi tiến hành trắc nghiệm giao tiếp V.P. Dakharov trên đối tượng 220 SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng của 3 khoa khác nhau, kết quả thu được có thể trả lời câu hỏi: SV theo học các khoa khác nhau thì trình độ kỹ năng giao tiếp có khác nhau không? Ta thấy rằng SV khoa Dược cao hơn SV khoa Điều dưỡng và khoa Xét nghiệm. Kỹ năng giao tiếp của SV khoa Dược là 90,39

điểm, khoa Điều dưỡng là 86,41, SV khoa Xét nghiệm có điểm trung bình thấp nhất với 81,18. Thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Kỹ năng giao tiếp của SV các khoa khác nhau

Kỹ năng	Khoa Xét nghiệm			Khoa Điều dưỡng			Khoa Dược		
	\bar{X}	Mức độ	Trung bình	\bar{X}	Mức độ	Trung bình	\bar{X}	Mức độ	Trung bình
Ae	7,67	Trung bình	7	8,03	Trung bình	7	9,15	Trung bình	5
Ah	8,34	Trung bình	3	8,41	Trung bình	6	9,05	Trung bình	7
Ai	8,33	Trung bình	4	8,64	Trung bình	4	9,27	Trung bình	3
Nh A	24,34	Trung bình		25,08	Trung bình		27,47	Trung bình	
Bc	11,36	Trung bình cao	1	10,38	Trung bình cao	1	10,84	Trung bình cao	1
Bj	6,55	Trung bình thấp	10	7,19	Trung bình	10	7,20	Trung bình	10
Nh B	17,90	Trung bình		17,58	Trung bình		18,04	Trung bình	
Ca	7,41	Trung bình	8	8,01	Trung bình	8	8,11	Trung bình	9
Cb	7,90	Trung bình	6	8,48	Trung bình	5	9,21	Trung bình	4
Cd	7,97	Trung bình	5	10,03	Trung bình cao	2	9,15	Trung bình	6
Cg	8,64	Trung bình	2	9,64	Trung bình	3	10,09	Trung bình cao	2
Nh C	31,93	Trung bình		36,16	Trung bình		36,55	Trung bình	
Df	7,00	Trung bình thấp	9	7,36	Trung bình	9	8,33	Trung bình	8
Nh D	7,00	Trung bình thấp		7,36	Trung bình		8,33	Trung bình	
Chung	81,18	Trung bình		86,41	Trung bình		90,39	Trung bình	

Kỹ năng giao tiếp của SV nam và nữ

Với vấn đề đặt ra khi nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược

Đà Nẵng là: liệu SV có giới tính khác nhau thì kỹ năng giao tiếp có khác nhau không, lời giải thích chúng tôi thu được như sau:

Bảng 4. Kỹ năng giao tiếp của SV nam và nữ

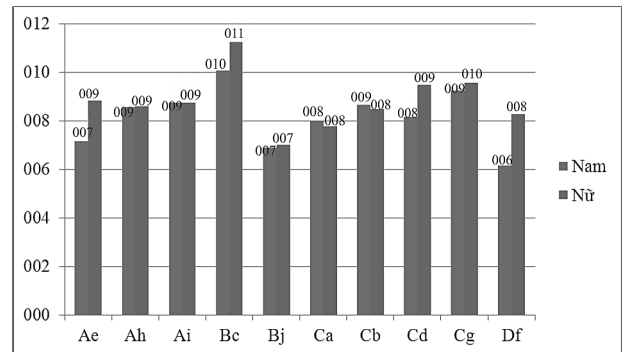
STT	Kỹ năng giao tiếp	Nam			Nữ		
		\bar{X}	Mức độ	Thứ bậc	\bar{X}	Mức độ	Thứ bậc
1	Ae	7,15	Trung bình thấp	9	8,82	Trung bình	4
2	Ah	8,58	Trung bình	6	8,59	Trung bình	7
3	Ai	8,75	Trung bình	4	8,74	Trung bình	6
Nhóm A		24,48	Trung bình		26,15	Trung bình	
1	Bc	10,08	Trung bình cao	1	11,25	Trung bình cao	1
2	Bj	6,88	Trung bình cao	10	7,02	Trung bình	10
Nhóm B		16,96	Trung bình		18,27	Trung bình	
1	Ca	7,99	Trung bình thấp	8	7,78	Trung bình thấp	9
2	Cb	8,65	Trung bình	5	8,47	Trung bình	8
3	Cd	8,15	Trung bình	7	9,47	Trung bình	3
4	Cg	9,25	Trung bình	2	9,57	Trung bình	2
Nhóm C		34,04	Trung bình		35,29	Trung bình	
1	Df	6,15	Trung bình thấp	3	8,82	Trung bình	5
Nhóm D		6,15	Trung bình		8,26	Trung bình	
Chung		81,64	Trung bình		88,09	Trung bình	

Từ số liệu trên có thể khẳng định: SV có giới tính khác nhau thì kỹ năng giao tiếp cũng khác nhau. Kỹ năng giao tiếp của SV nữ (88,09 điểm) cao hơn SV nam (81,64 điểm).

Trong từng kỹ năng cụ thể, nữ có kỹ năng thể hiện sự nhạy cảm trong giao tiếp, kỹ năng diễn đạt cụ thể, dễ hiểu... cao hơn nam. Điều này có thể lý giải như sau: Trong giao tiếp, phụ nữ nói chung và nữ SV nói riêng thường rất nhạy cảm, họ có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi trên nét mặt, cử chỉ điệu bộ, giọng nói của đối tượng. Hơn nữa, bản thân họ cũng dễ xúc động và do đó họ cũng dễ nhận thấy sự xúc động của người khác. Đồng thời, nữ thường có khả năng ngôn ngữ cao hơn nam cả về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, cách dùng từ đặt câu, đặc biệt là khả năng diễn đạt nên nữ có kỹ năng diễn đạt cụ thể, rõ ràng, mạch lạc hơn nam là điều hợp logic.

Song kỹ năng chủ động, điều khiển quá trình giao tiếp; kỹ năng tiếp xúc thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp của SV nam cao hơn nữ. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm giao tiếp của SV Kỹ thuật Y - Dược. Điều này có thể do đặc trưng tâm lý của nam thường tích cực, chủ động, linh hoạt trong nhiều tình huống, còn bản tính của nữ là thường thụ động, rụt rè, ít linh hoạt hơn. Đây là vấn đề cần quan tâm trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghề

thầy thuốc cho SV vì có những kỹ năng trên là điều kiện rất cần thiết trong việc phát huy vai trò tích cực, chủ động, chủ đạo trong quá trình chẩn đoán, điều trị, chăm sóc bệnh nhân. Sự khác biệt về số điểm đạt được của từng kỹ năng giữa nam và nữ thể hiện rõ hơn bằng biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Điểm từng kỹ năng giao tiếp của nam và nữ

4.2. Nội dung giao tiếp

So sánh giữa các khóa học ta có hệ số chi-bình phương = 2,331, df=4, Sig =0,675>0,05 và tỉ lệ % về mức độ thường xuyên giao tiếp về nội dung sinh hoạt hằng ngày của SV năm I là 63,2%, năm II là 53,0%, năm III là 60,9. Từ kết quả này chứng tỏ rằng không có sự chênh lệch lớn về tỉ lệ % giữa các khóa. Thể hiện rõ ở bảng 5.

Bảng 5. Mức độ biểu hiện nội dung giao tiếp về sinh hoạt hàng ngày giữa các khóa của SV

TT	Mức độ	Khóa học						Tổng số	
		Năm I		Năm II		Năm III			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Thường xuyên	36	63,2	62	53,0	28	60,9	126	57,3
2	Đôi khi	19	33,3	52	44,4	17	37	88	40,0
3	Không bao giờ	2	3,5	3	2,6	1	2,2	6	2,7
	Tổng số	57	100	117	100	46	100	220	100

Bảng 6. Mức độ biểu hiện các nội dung giao tiếp về kỹ năng nghề thầy thuốc và các hoạt động khác của SV Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng

TT	Mức độ	Nội dung giao tiếp						Tổng số	
		Thường xuyên		Đôi khi		Chưa bao giờ			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Kỹ năng nghề thầy thuốc	108	49,1	97	44,1	15	6,8	220	100
2	Phim ảnh và sinh hoạt các câu lạc bộ, các trò giải trí với tư cách là nooin dung giao tiếp	101	45,9	112	50,9	7	3,2	220	100

Kỹ năng nghề thầy thuốc: Với tỷ lệ % của từng mức độ là: thường xuyên: 49,1%; đôi khi: 44,1%; chưa bao giờ: 6,8% - nội dung này đứng ở vị trí thứ năm trong thứ bậc các nội dung giao tiếp thường xuyên của SV. Tại sao nội dung này lại trở thành một trong những nội dung giao tiếp chủ yếu của SV Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng? Có thể trả lời câu hỏi này rằng: SV Kỹ thuật Y - Dược tương lai sẽ là thầy thuốc trực tiếp chẩn đoán và điều trị bệnh nhân, thực thi nhiệm vụ rất nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang. Vì vậy, cùng với việc nắm vững những tri thức khoa học cơ bản và chuyên ngành, SV còn phải rèn luyện kỹ năng nghề tay nghề, nhằm trang bị cho mình những kỹ năng nghề nghiệp nhất định. Trong thời gian học tập ở trường, những vấn đề như: lĩnh hội tri thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức, các kỹ năng khám, chẩn đoán, chăm sóc, điều trị... được SV quan tâm và đặc biệt vào thời gian trước, trong và sau khi đi thực tập bệnh viện, các cơ sở y tế khác...

Phim ảnh, sinh hoạt câu lạc bộ và các trò giải trí với tư cách là nội dung giao tiếp: So sánh tỉ lệ % giữa các khóa chúng ta thấy giao tiếp thường xuyên về chủ đề này là: Năm I: 35,1%, năm II: 47,9%, năm III: 53,4%. Số liệu này minh chứng cho nhận định rằng: Thời gian sống trong môi trường SV càng lâu thì họ càng có nhu cầu giải trí trong đời sống của sinh viên.

4.3. Biện pháp tác động

Với đích cuối cùng là nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo của Nhà trường, chúng tôi đề xuất những kiến nghị sau đây:

Cần tổ chức nhiều hơn các hình thức rèn luyện các kỹ năng nói chung, rèn luyện kỹ năng giao tiếp nói riêng một cách có kế hoạch và đảm bảo tính hệ thống, thường xuyên, liên tục để trở thành nề nếp, thói quen, nhu cầu thiết thân của mỗi SV. Cần tạo điều kiện cho SV tăng cường thực tập trên mô hình, bệnh viện, các cơ sở y tế... để SV tiếp xúc trực tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân... giúp họ trải nghiệm, làm quen dần với hoạt động giao tiếp ở bệnh viện, các cơ sở y tế... Giúp họ tăng cường rèn luyện những kỹ năng giao tiếp trong thực tiễn.

Đoàn thanh niên, Hội SV cần phối hợp để tổ chức các hoạt động giao tiếp, tạo điều kiện mở rộng phạm vi giao tiếp, tăng cường độ giao tiếp, cho SV giao tiếp với đám đông... bằng cách tăng cường tổ

chức các câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ bạn yêu nhạc, dạ hội, các hội diễn văn nghệ, hội thi thể dục thể thao... Đặc biệt cần chú ý đến hình thức tổ chức "Câu lạc bộ tranh luận" tuy còn rất mới nhưng sẽ có tác dụng mạnh mẽ và mang lại hiệu quả cao trong mở rộng nội dung, kích thích - đáp ứng nhu cầu và rèn luyện năng lực giao tiếp của SV.

Tổ chức cho SV giao lưu với các cơ quan, đoàn thể, các trường cùng đóng trên địa bàn. Tăng cường giao lưu với các đơn vị kết nghĩa. Mở rộng giao lưu, hợp tác các đơn vị, cơ sở Đoàn trong thành phố và quốc tế. Thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, đối thoại trực tiếp giữa SV với lãnh đạo Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội SV, với các giảng viên để SV vừa tiếp thu thêm thông tin, tri thức, vừa thu hẹp dần khoảng cách giữa SV và các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

5. Kết luận

Về các nhóm kỹ năng giao tiếp của SV: xét chung có tới 80,91% SV có kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình, 9,09% ở mức trung bình thấp, 8,18% ở mức trung bình cao. Tỷ lệ SV đạt mức độ cao rất ít, chỉ chiếm 0,45% trong tổng số SV. Tỷ lệ SV có kỹ năng giao tiếp thấp cũng chiếm tỷ lệ nhỏ 1,36%.

Kết quả tự đánh giá kỹ năng giao tiếp của SV qua mẫu Anket và đo bằng trắc nghiệm V.P. Dakharov: kết quả đo mức độ kỹ năng giao tiếp bằng trắc nghiệm Dakharov và kết quả tự đánh giá của SV có tương quan mật thiết, hay nói cách khác là cả 2 phương pháp nghiên cứu khác nhau đều mang lại kết quả nghiên cứu thống nhất với nhau.

Kỹ năng giao tiếp của SV các khoa khác nhau: kết quả thu được cho ta thấy rằng SV khoa Dược cao hơn SV khoa Điều dưỡng và khoa Xét nghiệm. Kỹ năng giao tiếp của SV khoa Dược là 90,39 điểm, khoa Điều dưỡng là 86,41, SV khoa Xét nghiệm có điểm trung bình thấp nhất với 81,18.

Kỹ năng giao tiếp của SV nam và nữ: SV có giới tính khác nhau thì kỹ năng giao tiếp cũng khác nhau. Kỹ năng giao tiếp của SV nữ (88,09 điểm) cao hơn SV nam (81,64 điểm).

Mức độ biểu hiện nội dung giao tiếp về sinh hoạt hàng ngày giữa các khóa của SV: mức độ thường xuyên giao tiếp về nội dung sinh hoạt hàng ngày của SV năm I là 63,2%, năm II là 53,0%, năm III là 60,9.

Mức độ biểu hiện về kỹ năng nghề thầy thuốc: 49,1%; đôi khi: 44,1%; chưa bao giờ: 6,8%. Nhóm kỹ năng này được SV quan tâm và đặc biệt vào thời gian trước, trong và sau khi đi thực tập bệnh viện, các cơ sở y tế khác.

Qua đó cho chúng ta thấy rằng: khả năng giao tiếp là một trong những yêu cầu quan trọng của con người nó chung và của sinh viên Trường Đại học

Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng nói riêng. Để có được năng lực giao tiếp, người thầy thuốc tương lai cần phải nghiên cứu, nắm bắt bản chất, cấu trúc, quy luật của quá trình giao tiếp, đồng thời cần nắm bắt được kỹ thuật giao tiếp, luyện tập giao tiếp trong Nhà trường, bệnh viện, các cơ sở y tế khác... và tiếp tục rèn luyện trong suốt cả cuộc đời của một con người./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Thị Bùng (1997), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Sinh Huy, Trần Trọng Thủy (2006), *Nhập môn khoa học giao tiếp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Văn Lê (2006), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Văn Nhận (chủ biên) (2001), *Tâm lý học Y học*, NXB Y học, Hà Nội.
- [5]. Tổng cục Du lịch (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.
- [6]. Trần Thị Kim Thoa (1999), *Nghiên cứu đặc điểm giao tiếp của SV có kiểu nhân cách hướng nội và hướng ngoại*, Luận văn thạc sỹ tâm lý, Hà Nội
- [7]. Trần Trọng Thủy, Phùng Đình Mẫn (2009), *Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Huế.

STUDENTS' CURRENT COMMUNICATION COMPETENCES IN DA NANG UNIVERSITY OF MEDICAL AND PHARMACEUTICAL TECHNIQUES

Summary

The article focuses on researching students' communication competences in Da Nang University of Medical and Pharmaceutical Techniques, regarding aspects of skills and contents in communication. Thereby, it offers methods to improve the students' communication competences as their primary means in future career practices.

Keywords: Students' communication competences in Da Nang University of Medical and Pharmaceutical Techniques.

Ngày nhận bài: 12/3/2019; Ngày nhận lại: 23/5/2019; Ngày duyệt đăng: 18/6/2019.